

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH N**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày 22-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH N**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên toà: ông Bùi Văn Biên

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Xuân Chung.

2/ Ông Đặng Chí Hiếu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Trần Quang Huy - cán bộ Toà án nhân dân huyện M, tỉnh N.

Đại diện VKSND huyện M tham gia phiên toà: bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 18/10/2017, đối với bị cáo:

Trần Ngọc Q sinh năm 1996.

Tên gọi khác: không.

HKTT, chỗ ở: xóm 9, xã MH, huyện M, tỉnh N.

Nghề nghiệp: sửa xe máy, Văn hoá: 12/12, Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh, Đảng, đoàn: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Trần Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị L, sinh năm 1965. Điều trú tại: xóm 9, xã MH, huyện M, tỉnh N.

Gia đình có hai chị em, bị can là thứ hai.

Vợ, con: ch- a.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 25/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 03/7/2017, ngày 06/7/2017 chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 332 ngày 06/7/2017 của Công an thành phố N. Hiện bị can đang bị tạm giam chờ chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Trần Đình T;

HKTT, chỗ ở: xóm 9, xã MH, huyện M, tỉnh N.

Tại phiên tòa người bị hại anh T vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bản cáo trạng số 26/ Ctr-KSĐT ngày 16/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh N truy tố bị cáo Trần Ngọc Quỳnh về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12h 30 phút ngày 08/5/2017 anh Trần Đình T SN 1991, trú tại: xóm 8, xã M H, huyện M, tỉnh N đi xe máy Wave BKS 18B1- 485.21 của mình đến nhà ông Trần Văn Th ở cùng xóm để xe, không khóa cổ, không khóa càng, rồi đi sang đám ma ông Trần Trọng T ngay cạnh nhà ông Th. Đến khoảng 13h cùng ngày, Trần Ngọc Q cùng anh T và mọi người đi đưa tang ông T ra đến đầu làng thì Q quay trở về nhà ông Th. Khi đi qua nhà ông Th, Q quan sát thấy xe máy Wave BKS18B1- 485.21 của anh T dựng ở sân nhà ông Th không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q lấy tay thò vào trong mặt nạ đầu xe máy của anh T, rút rắc điện rồi đầu nối lại. Sau đó, Q đạp xe nổ máy về nhà rồi tháo biển số xe, vứt xuống sông Châu Giang ở đoạn cầu Sét, xã M H, huyện M. Q mang xe về cất giấu tại cửa hàng sửa chữa xe máy của mình ở phường Thái Bình, thành phố N. Đến 16h 30 phút cùng ngày, anh T quay trở lại nhà ông Th để lấy xe và phát hiện bị mất nên đã trình báo Công an xã M H.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 13 ngày 03/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave của anh T có giá trị 14.000.000đồng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Ngọc Q đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình. Trước đó, ông Trần Văn T (bố của Q) có đưa cho Q 4.000.000đồng để mua xe cho ông, Q đồng ý. Q mang xe máy trộm cắp được của anh T và đăng ký xe Wave BKS 18K1-259.05 về cho ông T và nói là xe Q mua cho ông T.

Đối với chiếc xe máy Wave màu bạc của anh Trần Đình T, ông T đã giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an thành phố N và đã được trả lại cho anh T. Anh T đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì. Ông T không biết nguồn gốc chiếc xe máy Q mang về cho ông sử dụng là xe do Q trộm cắp của anh T nên không xử lý đối với ông T.

Biển số xe giả ghi 18K1 – 259.05 Q dùng treo lên xe máy của anh T, Quỳnh khai nhờ một người đàn ông không quen biết ở phường Thái Bình, thành phố N làm. Q không rõ địa chỉ, tên tuổi nên không có căn cứ để điều tra xác minh.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quan điểm đã truy tố và luận tội bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc Q từ 9 đến 12 tháng tù, áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 bộ luật hình sự tiêu hủy tang vật của vụ án là biển số xe giả 18K1- 259.05.

Tại phiên tòa xét xử công khai, bị cáo Trần ngọc Q thành khẩn khai báo, nhận tội như đã nêu trên.

Ông Trần Văn T không yêu cầu Trần Ngọc Q phải trả số tiền 4.000.000 đ.

Người bị hại anh Trần Văn T đã nhận lại xe máy không yêu cầu Trần Ngọc Q đền bù gì.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án, diễn biến thực tế của vụ án. Từ những chứng cứ như: bản tường trình, bản kiểm điểm, Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của Lời khai người bị hại. Bản kết luận giám định. Từ những tình tiết chứng cứ trên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13h ngày 08/5/2017 tại sân nhà ông Trần Văn Th ở xóm 8, xã M H, huyện M, tỉnh N, Trần Ngọc Q đã có hành vi trộm cắp một xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu bạc BKS 18B1-485.21 của anh Trần Đình T có giá trị 14.000.000đồng.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc truy tố bị cáo Trần Ngọc Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Trần Ngọc Q đã thực hiện hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Trần Đình T. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Y đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, đây là khách thể được pháp luật nhà nước bảo hộ. Bản thân bị cáo là người có sức khỏe bình thường về thể chất và tâm thần thì lẽ ra phải biết tu dưỡng, rèn luyện, lao động hữu ích để tạo ra của cải vật chất cho gia đình, xã hội. Nhưng trái lại với ý thức lời lao động lại muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, nên y đã dấn thân vào con đường phạm tội. Chính vì vậy đối với y cần phải áp dụng một biện pháp giáo dục nghiêm khắc cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p Điều 46 Bộ luật hình sự, khi quyết định hình phạt cũng giảm cho bị cáo một phần hình phạt, cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa vị đại diện viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46,; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù. đề nghị áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 bộ luật hình sự tiêu hủy tang vật của vụ án

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật bảo hộ bị xâm phạm, động cơ, mục đích phạm tội và nhân thân của bị cáo thì đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản đã được trả cho người bị hại Trần Đình T, anh T không yêu cầu bồi thường gì. Ông Trần Văn T không yêu cầu Trần Ngọc Q phải trả số tiền 4.000.000 đ, nên không giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

Về án phí: căn cứ Điều 99 BLTTHS; pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138 , điểm p khoản 1 Điều 46, Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Q 09 (Chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 50; 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc Q phải chấp hành hình phạt của bản án số 309/2017 ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định là 30 tháng tù và hình phạt của bản án này là 09 tháng tù. Bị cáo Trần Ngọc Q phải chấp hành hình phạt chung là 39 (ba chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2017.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 bộ luật hình sự tiêu hủy tang vật của vụ án là biển số xe giả 18K1- 259.05.

3. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Ngọc Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện M 02 bản;
- Công an huyện M 02 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện M 01 bản;
- UBND xã M H 01 bản;
- Người bị hại 01 bản;
- Bị cáo 01 bản;
- Hồ sơ vụ án 02 bản;
- Lưu Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký, đóng dấu)

Bùi Văn Biên

